TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÊ LINH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 117/2022/QĐST-HNGĐ	*Mê Linh, ngày 23 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 126/2022/TLST-VHNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

1. Bà **Dương Thị B** – SN 1972.

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã M, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

2.Ông **Nguyễn Văn T** - SN 1968.

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện Mê Linh, TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Bà Dương Thị B và ông Nguyễn Văn T hòa giải đoàn tụ không thành.

Bà Dương Thị B và ông Nguyễn Văn T đã thực sự tự nguyện ly hôn; hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; thỏa thuận được về tài sản chung của vợ chồng và sự thỏa thuận đó đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Các nội dung thỏa thuận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận giữa các đương sự ngày 13 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận của các đương sự, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị B và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Dương Thị B và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Văn N, sinh ngày 02/02/1994. Hiện nay, cháu N đã trưởng thành, có cuộc sống riêng và tự lao động kinh tế nên ông T và bà B không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Bà B và ông T đều không yêu cầu giải quyết nên tòa án không xem xét.

Về tài sản riêng của vợ, chồng: Bà B và ông T đều không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Số tiền tạm ứng lệ phí tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/00204xx ngày 12/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh là tiền của bà Dương Thị B và ông Nguyễn Văn T (mỗi người 150.000 đồng). Số tiền lệ phí sơ thẩm phải nộp là 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, bà Dương Thị B và ông Nguyễn Văn T phải chịu, trong đó mỗi người phải chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/00204xx ngày 12/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Bà B và ông T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã T, huyện Mê Linh, TP Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/02/1993).
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

Đào Ngọc San